

nhận hoàn thành kế hoạch Nhà nước cho các đơn vị phải được sự thỏa thuận của các cơ quan nói trên.

Hà Nội, ngày 31 tháng 1 năm 1983

K.T. Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng

Phó chủ tịch

ĐỖ MƯỜI

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

**NGOẠI THƯƠNG — NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC**

THÔNG TƯ liên bộ số 9-TTLB/NgT/
NH ngày 31-1-1983 hướng dẫn
thi hành quyết định số 151-
HĐBT ngày 31-8-1982 của Hội
đồng bộ trưởng về việc các gia
đình có thân nhân định cư ở
các nước ngoài hệ thống xã hội
chủ nghĩa nhận tiền, nhận
hàng do thân nhân gửi về.

Xét nguyện vọng của người Việt Nam định cư ở các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa (dưới đây gọi tắt là nước ngoài) và gia đình họ trong nước, Nhà nước ta đã cho phép các hộ gia đình có thân nhân định cư ở các nước nói trên được nhận tiền, nhận hàng của người thân của họ gửi về.

Liên bộ Ngoại thương — Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn cụ thể việc thi hành như sau.

I. THỦ TỤC XIN CẤP GIẤY PHÉP VÀ SỔ NHẬN TIỀN, SỔ NHẬN HÀNG

1. Các hộ gia đình trong nước muốn được thường xuyên nhận tiền, nhận hàng

của người thân định cư ở nước ngoài phải làm đơn xin phép Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương (dưới đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân tỉnh).

Đơn làm thành ba bản theo mẫu thống nhất do Ủy ban nhân dân tỉnh in, phải kê khai danh sách các thành viên trong gia đình đúng như đã ghi trong sổ hộ tịch (nơi nào chưa làm sổ hộ tịch thì danh sách này phải có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường, xã) và tên người thân ở nước ngoài thường gửi tiền và hàng về.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh bắt đầu nhận đơn xin phép nhận tiền, nhận hàng từ ngày 15-2-1983. Thời gian để xét và thông báo kết quả cho đương sự chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày, đối với các thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng và Hà Nội, và 30 (ba mươi) ngày đối với các địa phương khác, kể từ ngày nhận đơn.

Danh sách và đơn các hộ gia đình được phép nhận tiền, nhận hàng do Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển đến ngân hàng và hải quan hoặc bưu điện (nơi không có tổ chức hải quan) kèm theo giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh ký để trao cho đương sự khi đến nhận sổ.

3. Căn cứ danh sách và giấy phép nói trên, ngân hàng và hải quan hoặc bưu điện (nơi không có tổ chức hải quan) làm sổ nhận tiền, sổ nhận hàng theo mẫu thống nhất do Cục hải quan in và có trách nhiệm mời chủ hộ gia đình đến nhận sổ.

Khi đến nhận sổ phải mang theo sổ hộ tịch và giấy chứng minh nhân dân.

4. Trong những trường hợp không nhận hoặc gửi thường xuyên, mỗi lần muốn được nhận tiền, nhận hàng, cũng phải làm đơn (3 bản) xin phép Ủy ban nhân dân tỉnh

như nói ở điểm 1. Nếu được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thì mang đơn đến cơ quan ngân hàng và hải quan hoặc bưu điện (nơi không có tổ chức hải quan) và xuất trình sổ hộ tịch và giấy chứng minh nhân dân để nhận tiền hoặc nhận hàng.

5. Sổ nhận tiền, nhận hàng có giá trị sử dụng trong nhiều năm. Khi dùng hết sổ, đến cơ quan cấp sổ đề đổi sổ mới, không phải xin phép lại. Nếu có thay đổi về nhân khẩu trong gia đình, chỉ cần mang sổ nhận tiền, sổ nhận hàng kèm theo sổ hộ tịch đến cơ quan cấp sổ đề điều chỉnh.

6. Khi đi nhận tiền, nhận hàng phải mang theo sổ và giấy chứng minh nhân dân.

7. Tiền và hàng gửi về có thể ghi tên bất cứ người nào trong sổ, người đó mang sổ đề đi nhận tiền, nhận hàng; trường hợp không thể đi được có thể ủy nhiệm người trong hộ nhận thay.

8. Khi nhận đơn (3 bản) của Ủy ban nhân dân tỉnh về khai, đương sự phải nộp lệ phí 10 (mười) đồng và mỗi lần nhận hoặc đổi sổ nhận tiền hoặc nhận hàng đương sự phải nộp lệ phí 50 (năm mươi) đồng một quyền đề chi phí về việc in và phát hành.

II. VIỆC NHẬN TIỀN

1. Nhà nước không hạn định số lượng và số lần gửi tiền về nước. Số ngoại tệ này được chuyển thành tiền Việt Nam theo tỷ giá hối đoái có thưởng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

Số tiền gửi về trên hạn mức hàng tháng được nhận được ký gửi tại ngân hàng theo thẻ thức do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

2. Việc rút tiền để góp phần xây dựng đất nước, góp vốn cùng Nhà nước kinh doanh hoặc góp vốn lập hợp tác xã tiêu, thủ công nghiệp được khuyến khích, không hạn chế.

3. Việc rút tiền để chi dùng cho sinh hoạt gia đình thì có hạn mức. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cùng Bộ Tài chính căn cứ vào tình hình giá sinh hoạt chung mà ấn định hai lần một năm vào tháng 3 và tháng 7 với hai mức, một cho hai thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, một cho các tỉnh khác.

4. Việc rút tiền quá hạn mức đề chi cho các nhu cầu đột xuất [cần có chứng từ hợp lệ hoặc chứng nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã.

III. VIỆC NHẬN HÀNG

1. Mỗi năm mỗi hộ gia đình được nhận hàng của người thân định cư ở các nước ngoài gửi về ba (3) lần, dù hàng gửi về cho cả hộ hoặc bất cứ cá nhân nào trong hộ.

Hàng gửi về nước mỗi lần, nếu theo đúng chế độ gửi và nhận quà biếu đối với các gia đình trong nước của người thân định cư ở nước ngoài do Bộ Ngoại thương quy định thì được miễn thuế.

2. Đối với số hàng gửi hoặc nhận vượt quá trị giá được miễn thuế do Bộ Ngoại thương quy định từng thời gian thì phải nộp thuế.

3. Đối với hàng nhận là tư liệu sản xuất (máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu...) nhập theo yêu cầu của các ngành, các địa phương trong nước thì số lần nhận trong năm và trị giá nhận mỗi lần không hạn

chế, nhưng phải đăng ký trước với cơ quan hải quan tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương nếu bán toàn bộ lô hàng nhận cho các ngành, các địa phương có yêu cầu hoặc các tổ chức chuyên doanh của Nhà nước theo giá do Bộ Ngoại thương quy định thì được miễn thuế; nếu đem về sử dụng thì phải nộp thuế.

4. Hàng tiêu dùng gửi về quá số lần quy định cho mỗi năm, phải nộp thuế và bán toàn bộ lô hàng cho các tổ chức chuyên doanh của Nhà nước theo giá trung mua do Bộ Ngoại thương quy định.

5. Hàng cấm nhập gửi về thì bị tịch thu. Nếu do người trong nước yêu cầu gửi về, người nhận còn có thể bị xử lý theo pháp lệnh trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép.

6. Nếu cả ba lần nhận hàng trong năm, hộ gia đình nào không vi phạm chế độ hàng cấm nhập và thuế thì được nhận hàng thêm một lần nữa.

7. Khi nhận hàng đương sự phải nộp lệ phí bằng một phần trăm 10% trị giá hàng theo giá tính thuế do liên bộ Ngoại thương — Tài chính ấn định từng thời gian.

IV. THỜI ĐIỂM THỰC HÀNH

1. Về thời gian áp dụng. Đề các ngành, các địa phương có một khoảng thời gian hợp lý giải quyết các khoản tiền và hàng gửi về từ trước, liên Bộ Ngoại thương — Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định như sau :

— Chế độ nhận tiền mới áp dụng từ ngày 15 tháng 3 năm 1983.

— Chế độ nhận hàng mới áp dụng từ ngày 1 tháng 4 năm 1983.

2. Kể từ ngày 1-3-1983 đình chỉ việc bán hàng theo giá ưu đãi cho những người nhận được tiền của người thân ở nước ngoài gửi về đồng thời áp dụng tỷ giá có thưởng mới.

Những người có tiền gửi về từ trước đến ngày 28-2-1983 đã kết hối theo tỷ giá chính thức cộng với tỷ lệ thưởng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mà chưa mua hàng được tiếp tục mua đến hết ngày 15-3-1983. Sau ngày 15-3-1983, người nào còn giấy mua hàng còn giá trị, đem đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trả lại thì được nhận thêm một khoản chênh lệch so với tỷ lệ tiền thưởng mới.

3. Từ nay, ngoài Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam hoặc tổ chức được Ngân hàng này ủy nhiệm, không một cơ quan, chính quyền hay đoàn thể, tập thể hay cá nhân Việt Nam nào được kinh doanh dịch vụ nhận ngoại tệ của người Việt Nam định cư ở nước ngoài gửi về nước bất cứ dưới hình thức nào.

4. Các hộ gia đình nhận tiền, nhận hàng của người thân ở nước ngoài gửi về nếu lợi dụng nguồn tiền, nguồn hàng nhận được để đầu cơ, buôn lậu, gây rối loạn thị trường hoặc làm phương hại đến an ninh quốc gia thì Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định đình chỉ việc nhận tiền, nhận hàng tùy theo mức độ vi phạm còn có thể bị xử lý theo Pháp lệnh trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép.

Sau khi nhận được thông tư này, các cấp ngân hàng và hải quan hoặc bưu điện (nơi không có tổ chức hải quan) cần nghiên cứu kỹ và báo cáo ngay Ủy ban nhân dân tỉnh để có kế hoạch tổ chức thực hiện chu đáo, đúng thời gian quy định và thông báo cho nhân dân biết.

Trong quá trình thực hiện thông tư này, nếu gặp khó khăn, trở ngại, yêu cầu Ủy ban nhân dân, ngân hàng và hải quan hoặc bưu điện tỉnh (nơi không có tổ chức hải quan) phản ánh kịp thời với liên Bộ Ngoại thương — Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đề nghiên cứu giải quyết.

Hà Nội, ngày 31 tháng 1 năm 1983

K.T. Tổng giám đốc Ngân hàng
Nhà nước Việt Nam
Phó tổng giám đốc

NGUYỄN VĂN TRƯỜNG

K. T. Bộ trưởng Bộ Ngoại thương

Thủ trưởng
NGUYỄN TU

BỘ LÂM NGHIỆP

**QUYẾT ĐỊNH số 90-QĐ/KL ngày
25-1-1983 ban hành bản Thẻ lệ
quản lý, sử dụng búa kiểm lâm.**

BỘ TRƯỞNG BỘ LÂM NGHIỆP

Căn cứ nghị định số 35-CP ngày 9-2-1981 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của bộ trưởng và chức năng của Bộ trong một số lĩnh vực quản lý Nhà nước; "

Căn cứ quyết định số 88-HĐBT ngày 24-9-1981 của Hội đồng bộ trưởng về việc

lập quỹ nuôi riêng, và thông tư liên Bộ Lâm nghiệp — Tài chính — Ngân hàng Nhà nước số 10-TT/LB ngày 13-3-1982 hướng dẫn thi hành quyết định số 88-HĐBT nói trên;

Căn cứ quyết định số 1101-QĐ/LB ngày 23-10-1981 của liên Bộ Lâm nghiệp — Tài chính về việc thu tiền nuôi riêng;

Theo đề nghị của cục trưởng Cục Kiểm lâm nhân dân,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo quyết định này bản Thẻ lệ quản lý, sử dụng búa kiểm lâm. Giao cho hệ thống tổ chức kiểm lâm nhân dân thực hiện việc đóng dấu búa kiểm lâm đối với tất cả các loại gỗ khai thác từ rừng ra, gỗ cây do tập thể và cá nhân trồng trên đất rừng.

Điều 2. — Kể từ ngày 1 tháng 4 năm 1983 việc đóng dấu búa kiểm lâm đối với gỗ sẽ thực hiện thống nhất trong cả nước theo thẻ lệ quản lý, sử dụng búa kiểm lâm ban hành kèm theo quyết định này.

Điều 3. — Thủ trưởng các cục, vụ, viện có liên quan, các công ty, liên hiệp lâm công nghiệp, lâm trường trung ương, Sở, Ty, phòng lâm nghiệp, Chi cục kiểm lâm nhân dân, hạt kiểm lâm nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 25 tháng 1 năm 1983

K.T. Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp

Thủ trưởng

TRẦN SƠN THUY